

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 23-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở

Ông Nguyễn Mạnh Thường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên

- Đại diện VKS tham gia phiên toà: Ông Lưu Xuân Trường – Kiểm sát viên
Bà Dương Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985 tại G– Nam Định;

Nơi ĐKNKTT: tổ 1, phường C, thành phố L; Tạm trú: tổ 23, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có vợ là: Phạm Thị Tất T, sinh năm 1992 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn L, sinh năm 1985 tại H– Tuyên Quang;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản S, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; có vợ là: Phạm Thị Thu H, sinh năm 1986 và chưa có con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Phan L, sinh năm 1995 tại P - Lai Châu;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Sần Y (đã chết) và con bà Chèo Lở M, sinh năm 1966; có vợ là: Lò Thị P, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Lò Văn H, sinh năm 1989 tại T– Lai Châu;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản C, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn L, sinh năm 1972 và con bà Lò Thị M, sinh năm 1970; có vợ là: Lìm Thị N, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Bùi Văn C, sinh năm 1970 tại N– Ninh Bình;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T, sinh năm 1950 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; có vợ là: Trần Thị T, sinh năm 1977 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không có; về nhân thân: năm 1999 bị cáo bị khởi tố, điều tra về hành vi “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông vận tải*” theo Điều 186 của Bộ luật hình sự, sau đó được Viện kiểm sát đình chỉ vụ án hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa:

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Đ, Bùi Văn C:

Ông Nguyễn Chí Đ – Luật sư, Công ty Luật T, số 691 đường P, phường X, quận N, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- Người làm chứng:

+ Phạm Đức T, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; (có mặt)

+ Phạm Ngọc S, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- Người được Tòa án triệu tập đến phiên toà:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 63, lô N 15B, khu tái định cư X2A, tổ 16, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Đầu tháng 4 năm 2021, Phan L ở tỉnh Lai Châu có quen 01 người nam giới Trung Quốc (L không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) qua mạng xã hội Wechat, người này cho L số điện thoại của Hoàng Văn Đ ở tỉnh Lào Cai và nói Đ có nhu cầu mua cá tầm từ Trung Quốc về Lào Cai để bán. Sau đó, L gọi điện cho Đ, qua thỏa thuận, Đ đặt mua cá của người Trung Quốc, sau đó thuê L nhận và vận chuyển từ biên giới Trung Quốc về Việt Nam với giá 25.000.000 đồng/tấn. Thông qua mạng xã hội Wechat, Đ thống nhất mua cá tầm của người Trung Quốc với giá 31 nhân dân tệ/kg, còn thời gian, địa điểm giao – nhận cá do L và người Trung Quốc sắp xếp. Sau đó, L rủ thêm Trần Văn L, Lò Văn H cùng ở tỉnh Lai Châu tham gia cùng. Trưa ngày 10/4/2021, L, Phan L, H thuê xe ô tô ra Lào Cai gặp Đ và thống nhất Đ trả tiền công cho L, Phan L, H là 25.000.000 đồng/ tấn cá tầm, còn L, Phan L, H có trách nhiệm nhận, vận chuyển cá tầm mà Đ mua từ biên giới Trung Quốc về Việt Nam để bán và đảm bảo xe cá an toàn ra khỏi địa phận tỉnh Lai Châu, tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng.

Do biết Bùi Văn C ở tỉnh Lai Châu có mối quan hệ xã hội rộng, quen biết nhiều cơ quan chức năng nên L gọi điện cho C, qua trao đổi và thống nhất là C sẽ lo lót cơ quan chức năng việc vận chuyển cá tầm từ Trung Quốc về Việt Nam qua cột mốc 69 với đoạn đường từ huyện P, tỉnh Lai Châu đến hết ngã ba liên ngành B thuộc địa phận huyện T, tỉnh Lai Châu.

Lần 1: sáng ngày 11/4/2021, Đ liên lạc với người Trung Quốc qua mạng xã hội Wechat và đặt mua 02 tấn cá tầm, sau đó Đ gọi điện thông báo cho Phan L nhận cá. Phan L liên hệ với người Trung Quốc về thời gian và địa điểm nhận cá là vào đêm ngày 11/4/2021 tại cột mốc 69 thuộc bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là cột mốc 69), tiếp đến Phan L thông báo cho L, H chuẩn bị nhân công bốc vác, phương tiện để vận chuyển. Sau đó, Đ nhờ Phạm Đức T (là anh vợ Đ) lái xe lên P - Lai Châu để lấy hàng giúp Đ, T rủ thêm Phạm Ngọc S đi cùng để Sáng học lái xe cùng, Đ không nói cho T, S biết hàng vận chuyển là hàng gì. Trưa ngày 11/4/2021 T, S cùng Đ đi xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-480.42 từ Lào Cai sang Lai Châu và đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì đến nhà L ở bản S, xã M, huyện P. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Đ, T, S xuống nhà Phan L thuộc bản L, xã M để cho người dân mà Phan L thuê bốc vác bơm nước vào các thùng xốp có sẵn trên thùng xe (do Đ chuẩn bị trước), sau đó đi xe xuống gần cột mốc 69 để chờ nhận cá tầm. T, S không xuống xe mà ngủ trên xe, còn Phan L trực tiếp dẫn người dân mà Phan L thuê bốc vác sang bờ suối bên Trung Quốc để bốc vác các bao đựng cá tầm về bên Việt Nam. H đứng cách xe ô tô khoảng 5 - 6 mét để giám sát việc vận chuyển cá, còn L, Đ đứng cạnh xe để

giám sát việc cho cá vào các thùng xếp. Sau khi bốc xếp cá xong thì Đ bảo T lái xe về nhà L và đến khoảng 10 giờ ngày 12/4/2021 thì xe về đến nhà L. L gọi điện cho C để C lo giúp việc vận chuyển cá từ P qua địa phận Lai Châu, C đồng ý và yêu cầu L chuyển cho C 20.000.000 đồng để C chi phí. Sau đó, L bảo Đ chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng cho C. Nhận được tiền do Đ chuyển, C bảo L cứ cho xe cá chạy nếu có trục trặc trên đường thì gọi cho C. Tiếp đó, L, Phan L đi cùng Đ, T, S chở cá về huyện T, tỉnh Lai Châu thì gặp C ở khu vực xã H, huyện T, lúc này L từ xe của Đ sang xe của C. C điều khiển xe ô tô của mình chạy trước với mục đích nếu gặp cơ quan chức năng sẽ giải quyết, còn xe chở cá của Đ đi sau. Khi đến ngã ba liên ngành ở xã B, huyện T thì C, L vào 01 quán nước ven đường để đợi xe cá của Đ đi qua. Sau khi xe cá đi qua ngã ba liên ngành, Đ trả 53.000.000 đồng tiền công cho L, Phan L, H qua tài khoản của L. Trên đường về thành phố Lào Cai đến gần thị xã Sa Pa, Đ đã mua thêm 750 kg cá tầm của người dân ven đường, số cá này Đ cho chung vào với số cá nhập lậu rồi chở xuống thị xã T, tỉnh Bắc Ninh bán cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1984 trú tại khu X2A, tổ 16, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội với số lượng 2.176 kg cá tầm sống được 435.200.000 đồng và 33,6kg cá tầm chết được 4.032.000 đồng, và bán 300 kg cá tầm sống cho một người tên K ở Hải Phòng. Toàn bộ số cá trên được Đ gửi tại cửa hàng buôn bán hải sản của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 trú tại phố X, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để Nguyễn Văn K và K đến lấy. Sau khi bán xong, sáng ngày 13/4/2021 Đ quay về thành phố Lào Cai đổi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc và trả tiền cá cho người Trung Quốc (giao tiền cho người Trung Quốc tại cửa khẩu Hữu nghị quốc tế Lào Cai). Số tiền Đ thu được từ mua bán cá tầm đêm ngày 11/4/2021 là khoảng 60.000.000 đồng, Đ chuyển cho L để chi phí cho các chuyến cá sau, phần còn lại Đ chi tiêu cá nhân hết. Sau khi trừ đi số cá tầm mua thêm ở Sa Pa thì số lượng cá tầm mà Đ mua từ Trung Quốc là 1.750 kg trị giá 315.000.000 đồng (Kết luận định giá số 158/KL-HĐĐGTS ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản của UBND huyện P). Đối với C, do không bị lực lượng chức năng kiểm tra nên số tiền 20.000.000 đồng C nhận được từ Đ được C chi tiêu cá nhân hết; đối với L, Phan L, H nhận 53.000.000 đồng của Đ thì trừ đi chi phí nhân công bốc vác, sửa đường và các chi phí khác thì mỗi người được 3.000.000 đồng và đã chi tiêu hết.

Lần 2: sáng ngày 21/4/2021, Đ tiếp tục liên lạc qua Wechat với người Trung Quốc đặt mua 02 tấn cá tầm và gọi điện thông báo cho L nhận cá. Sau đó, Đ nhờ T lái xe ô tô đi P lấy hàng giúp Đ. T tiếp tục rủ S đi cùng (Đ không nói cho T, Sáng chở hàng gì). Trưa cùng ngày, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29H-480.42 chở Đ, S đi từ Lào Cai sang Lai Châu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì đến nhà L, tại đây Đ chuyển tiền vào tài khoản của L 28.000.000 đồng để L lo chi phí trên đường. L lại chuyển tiếp 25.000.000 đồng cho C để C lo lót việc chuyển cá trên đường. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở Đ, S xuống nhà Phan L để cho người dân mà Phan L thuê bốc vác bơm nước vào thùng xếp có sẵn trên thùng xe. Bơm nước xong rồi đi tiếp xuống cột mốc 69 để nhận cá tầm. T, S ngủ trên xe, còn Phan L dẫn người dân thuê bốc

vác lợi qua suối sang bên Trung Quốc để mang cá tầm về bên phía Việt Nam. H là người phát vé chấm công cho những người bốc vác, còn L, Đ là người giám sát việc cho cá vào hộp xốp trong thùng xe ô tô. Sau khi chuyển hết số cá tầm lên xe thì T, Đ, S và L đi cùng xe ô tô về hướng Lào Cai. Đến khoảng 04 giờ ngày 22/4/2021 khi xe đến bản K, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác Công an huyện P bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số cá tầm trên. Sau khi bị bắt, L gọi điện cho C, C đến công an huyện P với mục đích xin cho Long nhưng không được.

[2] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Phạm Đức T (lái xe), Phạm Ngọc S (phụ xe) của xe ô tô BKS 29H-480.42 là những người được Hoàng Văn Đ nhờ chở hàng và một số người dân được Phan L thuê chuyển cá nhưng không biết việc Đ cùng các bị cáo khác buôn lậu nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

- Ngày 18/4/2021 Hoàng Văn Đ cùng Trần Văn L, Phan L, Lò Văn H định mua và vận chuyển cá tầm từ Trung Quốc về Việt Nam nhưng do trời mưa nên không thực hiện được, do đó không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đồng và các bị cáo khác về hành vi này.

- Đối với Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn H mua cá tầm của Đ nhưng không biết số cá tầm này nhập lậu nên không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với anh K và anh H.

- Đối với Nguyễn Nhân Q và Tạ Quang L là cán bộ Đoàn Biên phòng D, theo khai nhận của Trần Văn L và Phan L đã đưa tiền cho anh Q và anh L để không bị xử lý khi chuyển cá qua biên giới. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xử lý đối với anh Q và anh L.

- Đối với người đàn ông Trung Quốc, theo khai nhận của Hoàng Văn Đ chỉ mua bán, liên lạc qua phần mềm Wechat nên không xác định được để xử lý trong cùng vụ án.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số cá Tầm bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ được đã tiến hành tiêu hủy theo quy định.

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng như sau:

- 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-480.42, loại xe: tải thùng kín, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: NEWMIGHTY, màu sơn: trắng, dung tích xi lanh: 3933, số máy D4GAJJ235442, số khung RLUNET7KAJN000071, năm sản xuất: 2019. Xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, xe không niêm phong. *(Không thu hồi được đăng ký xe do chủ xe làm mất)*;

- 09 (chín) chiếc bao tải, trong đó có 03 bao màu đỏ cam, 01 bao màu vàng và 05 bao màu trắng;

- 08 (tám) thùng xốp màu vàng, kích thước 0,6 x 1m x 1m;

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số seri: G6TZQ58BN70G, IMEI: 353900106676905, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Hoàng Văn Đ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

- 01 (một) điện thoại Oppo Reno3, IMEI 1: 860202042340134, IMEI 2: 860202042340126, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Trần Văn L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

- 01 (một) điện thoại Oppo A5 2020, seri 6358dc17, IMEI 1: 861516040210158, IMEI 2: 8615160402104141, bên trong điện thoại có lắp 02 thẻ sim thu giữ của Phan L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

- 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy A10, số seri: R58M70LWRMT, IMEI 1: 357966103490810; IMEI 2: 357967103490818, bên trong điện thoại có lắp 02 sim thu giữ của Lò Văn H. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

- 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy Note 9, số seri: R39K90CT1N số IMEI: 358402090871522, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Bùi Văn C. Mặt sau điện thoại bị vỡ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKSLC-P1 ngày 12/8/2021 của VKSND tỉnh Lai Châu truy tố Hoàng Văn Đ, Trần Văn L, Phan L, Lò Văn H, Bùi Văn C về tội "Buôn lậu" theo điểm a Khoản 3 Điều 188 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Buôn lậu", về điều luật áp dụng và hình phạt, cụ thể như sau:

Đối với Hoàng Văn Đ: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38, xử phạt bị cáo từ 7 – 8 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Trần Văn L: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo từ 6 - 7 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Phan L: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo từ 6 - 7 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Lò Văn H: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo từ 5 - 6 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Bùi Văn C: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, r, v, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo từ 3 - 4 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, hóa giá để sung quỹ nhà nước những đồ vật là công cụ, phương tiện phạm tội sau: 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-480.42, loại xe: tải thùng kín, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: NEWMIGHTY, màu sơn: trắng, dung tích xi lanh: 3933, số máy D4GAJJ235442, số khung RLUNET7KAJN000071, năm sản xuất: 2019. Xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, xe không niêm phong. (*Không thu hồi được đăng ký xe do chủ xe làm mất*); 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số seri: G6TZQ58BN70G, IMEI: 353900106676905, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Hoàng Văn Đ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại Oppo Reno3, IMEI 1: 860202042340134, IMEI 2: 860202042340126, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Trần Văn L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại Oppo A5 2020, seri 6358dc17, IMEI 1: 861516040210158, IMEI 2: 8615160402104141, bên trong điện thoại có lắp 02 thẻ sim thu giữ của Phan L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy A10, số seri: R58M70LWRMT, IMEI 1: 357966103490810; IMEI 2: 357967103490818, bên trong điện thoại có lắp 02 sim thu giữ của Lò Văn H. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy Note 9, số seri: R39K90CT1N số IMEI: 358402090871522, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Bùi Văn C. Mặt sau điện thoại bị vỡ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

- Tịch thu để tiêu hủy những đồ vật không có giá trị sử dụng sau: 09 (chín) chiếc bao tải, trong đó có 03 bao màu đỏ cam, 01 bao màu vàng và 05 bao màu trắng; 08 (tám) thùng xốp màu vàng, kích thước 0,6 x 1m x 1m.

- Truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cụ thể: Hoàng Văn Đ 60.000.000 đồng; Trần Văn L 3.000.000 đồng; Phan L 3.000.000 đồng; Lò Văn H 3.000.000 đồng; Bùi Văn C 45.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa,

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5] Ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo:

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Đ, Bùi Văn C cho rằng, nhận định, quy kết của vị đại diện Viện kiểm sát là chưa thỏa đáng về mức độ của tội phạm và hình phạt đề xuất là quá nghiêm khắc; các bị cáo không phạm tội nhiều lần, bởi lẽ các bị cáo đã chịu tình tiết định khung hình phạt ở khoản 3 Điều 188 của Bộ luật hình sự với vật phạm pháp trị giá từ 500 triệu đồng trở lên; cần áp dụng hình phạt tiền cho bị cáo Đ; cần phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo C; bị cáo C chỉ phạm tội ở lần thứ hai, còn lần thứ

nhất chưa thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm; cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm s, r, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; khi quyết định hình phạt cần lưu ý đến nhân thân các bị cáo, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; nhận thức pháp luật có phần hạn chế, các bị cáo chỉ suy nghĩ đơn giản là mua hàng hóa ở nơi có giá thấp để mang bán nơi có giá cao nhằm hưởng lợi phục vụ cuộc sống mưu sinh; vai trò của bị cáo C rất mờ nhạt trong vụ án, bản thân C có mối quan hệ xã hội rộng rãi nên Đ, L tin tưởng nhờ C đi lo lót nhưng thực tế C không đi lo lót cơ quan chức năng, và khi bị phát hiện, bắt quả tang về hành vi phạm tội của các bị cáo khác, bị cáo C mới đi xin cơ quan chức năng xử lý hành chính.

[6] Ý kiến của những người làm chứng tại phiên tòa:

Những người làm chứng Phạm Đức T và Phạm Ngọc S đều khai nhận không biết hành vi phạm tội của các bị cáo, do có mối quan hệ thân thích nên khi bị cáo Đ nhờ lái xe giúp nên T, S nhất trí và đi cùng Đ.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Đầu tháng 4 năm 2021, qua mạng xã hội và liên lạc qua điện thoại, Phàn L ở tỉnh Lai Châu biết Hoàng Văn Đ ở tỉnh Lào Cai có nhu cầu mua cá Tầm từ Trung Quốc về Lào Cai để bán. Sau đó, Đ, Phàn L cùng Trần Văn L, Lò Văn H thống nhất việc Đ mua cá Tầm từ Trung Quốc về Việt Nam bán kiếm lời qua khu vực biên giới ở P - Lai Châu với sự giúp sức của Phàn L, L, H. Tiếp đó, Trần Văn L gặp và trao đổi, thống nhất với Bùi Văn C về việc C sẽ lo lót cơ quan chức năng khi vận chuyển cá Tầm qua địa phận Lai Châu. Theo thỏa thuận, Đ đặt mua cá của người Trung Quốc, sau đó thuê Phàn L, L, H, C tiếp nhận và vận chuyển cá từ biên giới Trung Quốc về Việt Nam qua cột mốc 69 thuộc địa phận bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu với giá 25.000.000

đồng/tấn, quá trình vận chuyển cá qua địa phận tỉnh Lai Châu phải đảm bảo an toàn, tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng.

Trên cơ sở bàn bạc và thống nhất như trên nên trong các ngày 12/4/2021 và 22/4/2021, Hoàng Văn Đ cùng Trần Văn L, Phan L, Lò Văn H và Bùi Văn C đã 02 lần mua cá Tầm từ Trung Quốc về Việt Nam để bán kiếm lời, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/4/2021, sau khi mua được 1.750kg cá Tầm trị giá là 315.000.000 đồng từ Trung Quốc về Việt Nam qua đường tiểu ngạch biên giới tại cột mốc 69 thộc địa phận bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, Đ cùng L, Phan L, H, C vận chuyển cá từ biên giới về Việt Nam tiêu thụ.

Lần 2: tiếp đến sáng ngày 21/4/2021, sau khi mua được 1.903,15kg cá Tầm trị giá 342.567.000 đồng từ Trung Quốc về Việt Nam qua đường tiểu ngạch biên giới tại cột mốc 69 thộc địa phận bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, Đ cùng L, Phan L, H vận chuyển về Việt Nam để tiêu thụ. Đến khoảng 04 giờ ngày 22/4/2021 khi xe đến bản K, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác Công an huyện P bắt quả tang và thu giữ số cá Tầm trên. Sau khi bị bắt, L gọi điện cho C, C đến công an huyện Ph với mục đích xin cho L nhưng không được.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã thực hiện hành vi mua 3.653,15kg cá Tầm có tổng trị giá là 657.567.000 đồng từ Trung Quốc mang về Việt Nam tiêu thụ trái quy định của Nhà nước về hải quan. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất rất nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động kinh tế nhà nước về xuất, nhập khẩu, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm và đã phạm vào tội “Buôn lậu” – tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188/BLHS.

Do đó, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng và được học hành, trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên – theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, một số bị cáo đều tự thú về hành vi phạm tội trước đó (ngày 22/4/2021, sau khi bị bắt quả tang, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội ngày 12/4/2021) và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đ, L, Phan L, H – theo điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo C, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và trong quá trình lao động sản xuất có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng các Bằng khen của Chủ tịch

UBND tỉnh, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C – theo điểm s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Hoàng Văn Đ và Bùi Văn C đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong khám phá tội phạm khác, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đ, C – theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đ, C, H có thân nhân là những người có công với đất nước được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý, Tòa cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Đ, C, H – theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Bùi Văn C, Tòa án thấy rằng, ngay sau khi vụ án được phát hiện và bắt quả tang (ngày 22/4/2021), các bị cáo Đ, L, Phan L, H đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội. Đến ngày 10/5/2021 khi khởi tố, điều tra đối với bị cáo C, bị cáo khai nhận các lần phạm tội chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C là không có căn cứ.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo Đ là người có vai trò cao nhất, bị cáo là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội; các bị cáo L, Phan L, H là những người thực hành tích cực, giúp sức cho Đ buôn lậu để được hưởng tiền công; bị cáo C có vai trò thứ yếu, bị cáo là người giúp sức cho bị cáo Đ về mặt tinh thần, bị cáo hứa hẹn việc lo lót cơ quan chức năng để tạo sự yên tâm cho bị cáo Đ và đồng phạm khi phạm tội và bị cáo được hưởng thù lao từ bị cáo Đ.

* Trên cơ sở tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, đây là cơ sở để phân hóa trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra cho xã hội.

Xét thấy, các bị cáo L, Phan L, H, C là những người thực hành, giúp sức cho bị cáo Đ và chỉ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa riêng cũng như phòng ngừa chung.

[5] Về quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Đ và Bùi Văn C, Tòa án thấy rằng:

Cần chấp nhận một phần ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn Đ, Bùi Văn C về việc đề nghị áp dụng 1 số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Để tăng cường hiệu quả cho hình phạt chính trong việc giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như ngăn ngừa và loại trừ điều kiện phạm tội mới, Tòa cần tước

bỏ của các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước như quy định tại khoản 5 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số cá Tầm bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ được đã tiến hành tiêu hủy theo quy định.

- Cần tịch thu, hóa giá để sung quỹ nhà nước những đồ vật là công cụ, phương tiện phạm tội sau:

- + 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-480.42;
- + 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax thu giữ của Hoàng Văn Đ;
- + 01 (một) điện thoại Oppo Reno3 thu giữ của Trần Văn L;
- + 01 (một) điện thoại Oppo A5 2020 thu giữ của Phan L;
- + 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy A10 thu giữ của Lò Văn H;
- + 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy Note 9 thu giữ của Bùi Văn C.

- Cần tịch thu để tiêu hủy những đồ vật không có giá trị sử dụng sau:

+ 09 (chín) chiếc bao tải, trong đó có 03 bao màu đỏ cam, 01 bao màu vàng và 05 bao màu trắng;

+ 08 (tám) thùng xốp màu vàng, kích thước 0,6 x 1m x 1m.

- Truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cụ thể:

- + Hoàng Văn Đ 60.000.000 đồng;
- + Trần Văn L 3.000.000 đồng;
- + Phan L 3.000.000 đồng;
- + Lò Văn H 3.000.000 đồng;
- + Bùi Văn C 45.000.000 đồng.

[8] Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử cần quyết định mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

[9] Kiến nghị:

Kiến nghị Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu cần tăng cường công tác nắm tình hình, tích cực tuần tra, kiểm soát người, phương tiện, hàng hóa qua biên giới nhằm phòng tránh buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới.

[10] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với Phạm Đức T (lái xe), Phạm Ngọc S (phụ xe) của xe ô tô BKS 29H-480.42 là những người được Hoàng Văn Đ nhờ chở hàng và một số người dân được Phan L thuê chuyển cá nhưng không biết việc Đ cùng các bị cáo khác buôn

lậu; Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn H mua cá tầm của Đ nhưng không biết số cá tầm này nhập lậu nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

Đối với Nguyễn Nhân Q và Tạ Quang L là cán bộ Đoàn Biên phòng D, theo khai nhận của Trần Văn L và Phàn L đã đưa tiền cho anh Q và anh L để không bị xử lý khi chuyển cá qua biên giới. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xử lý đối với anh Q và anh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Trần Văn L, Phàn L, Lò Văn H, Bùi Văn C phạm tội “*Buôn lậu*”.

1/- Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Trần Văn L, Phàn L, Lò Văn H; áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn L, Phàn L, Lò Văn H, Bùi Văn C; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Bùi Văn C; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn C; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Bùi Văn C, Lò Văn H. Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Văn Đ 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/4/2021.

Bị cáo Trần Văn L 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/4/2021.

Bị cáo Phàn L 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/4/2021.

Bị cáo Lò Văn H 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/4/2021.

Bị cáo Bùi Văn C 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 10/5/2021.

2/- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 188 của Bộ luật hình sự phạt:

- Bị cáo Hoàng Văn Đ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).
- Bị cáo Trần Văn L 25.000.000 (*Hai mươi năm triệu đồng*).
- Bị cáo Phàn L 25.000.000 (*Hai mươi năm triệu đồng*).
- Bị cáo Lò Văn H 25.000.000 (*Hai mươi năm triệu đồng*).
- Bị cáo Bùi Văn C 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

3/- Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, hóa giá để sung quỹ nhà nước những đồ vật là công cụ, phương tiện phạm tội sau:

+ 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 29H-480.42, loại xe: tải thùng kín, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: NEWMIGHTY, màu sơn: trắng, dung tích xi lanh: 3933, số máy D4GAJJ235442, số khung RLUNET7KAJN000071, năm sản xuất: 2019. Xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, xe không niêm phong . *(Không thu hồi được đăng ký xe do chủ xe làm mất)*;

+ 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số seri: G6TZQ58BN70G, IMEI: 353900106676905, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Hoàng Văn Đ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

+ 01 (một) điện thoại Oppo Reno3, IMEI 1: 860202042340134, IMEI 2: 860202042340126, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Trần Văn L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

+ 01 (một) điện thoại Oppo A5 2020, seri 6358dc17, IMEI 1: 861516040210158, IMEI 2: 8615160402104141, bên trong điện thoại có lắp 02 thẻ sim thu giữ của Phan L. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

+ 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy A10, số seri: R58M70LWRMT, IMEI 1: 357966103490810; IMEI 2: 357967103490818, bên trong điện thoại có lắp 02 sim thu giữ của Lò Văn H. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong;

+ 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy Note 9, số seri: R39K90CT1N số IMEI: 358402090871522, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim thu giữ của Bùi Văn C. Mặt sau điện thoại bị vỡ. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

- Tịch thu để tiêu hủy những đồ vật không có giá trị sử dụng sau:

+ 09 (chín) chiếc bao tải, trong đó có 03 bao màu đỏ cam, 01 bao màu vàng và 05 bao màu trắng;

+ 08 (tám) thùng xốp màu vàng, kích thước 0,6 x 1m x 1m.

(Tình trạng vật chứng như mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh với Cơ quan điều tra Công an tỉnh lập hồi 14 giờ 00' ngày 17/8/2021).

- Truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cụ thể:

+ Hoàng Văn Đ 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*;

+ Trần Văn L 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*;

+ Phan L 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*;

+ Lò Văn H 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*;

+ Bùi Văn C 45.000.000 đồng *(Bốn mươi năm triệu đồng)*.

4/- Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC và VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKS, CA, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Các bị cáo;
- Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoà